

MARKET LENS

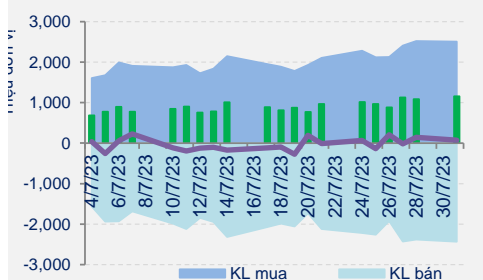
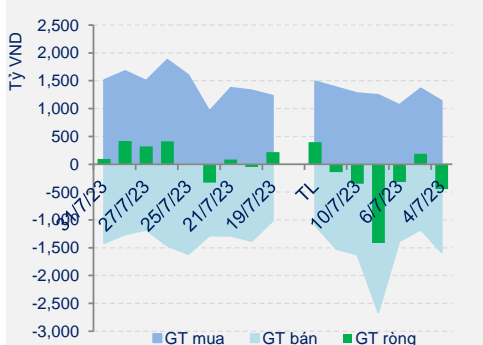
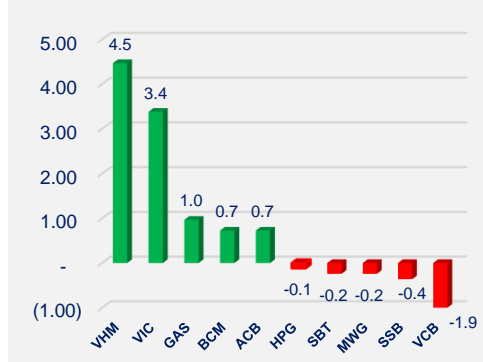
Phiên giao dịch ngày:

31/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,222.90	239.55
% Thay đổi	↑ 1.26%	↑ 0.85%
KLGD (CP)	1,158,260,703	119,351,515
GTGD (tỷ đồng)	24,050.85	1,957.58
Tổng cung (CP)	2,433,971,760	185,718,700
Tổng cầu (CP)	2,505,914,538	170,650,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,854,000	610,828
KL mua (CP)	53,118,700	2,856,455
GT mua (tỷ đồng)	1,512.81	54.43
GT bán (tỷ đồng)	1,417.78	12.42
GT ròng (tỷ đồng)	95.03	42.00

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Sau khi vượt vùng giá tâm lý 1.200 điểm trong tuần trước. VN-INDEX tiếp tục tăng điểm mạnh trong phiên cuối tháng với mức tăng 15.23 điểm (+1,26%). Qua đó kết thúc tháng 07/2023 với mức tăng mạnh 9,17% so với tháng 6/2023 lên 1.222,90 điểm, đồng thời vượt lên vùng giá đỉnh cao nhất năm 2018 tương ứng 1.211,34 điểm. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 5,38% so với tháng 06/2023 lên mức 239,55 điểm. Động lực dẫn dắt thị trường là nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết trong phiên đạt 26.008 tỷ đồng, vượt mức trung bình. Trong đó thanh khoản VN-INDEX lập kỷ lục mới, cao nhất trong 01 năm trở lại đây. Dòng tiền vẫn đang hoạt động mạnh trong thị trường, xoay vòng, giá tăng tốt ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn sau khi VN-INDEX vượt 1.200 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên HOSE với giá trị 95,03 tỷ đồng; mua ròng trên HNX với giá trị 42 tỷ đồng.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2023 tăng 3,9% so với tháng trước và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, IIP ước tính giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy ước đạt 29,68 tỷ USD, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy ước đạt 27,53 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước và giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Bảy tăng 1,13% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,06%. Bình quân 7 tháng năm 2023, CPI tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,65%.

Thị trường vẫn trong giai đoạn đón nhận thông tin quý II/2023, với hạn cuối công bố là ngày 30/07/2023. Trong đó rất nhiều mã nhóm ngân hàng có kết quả tích cực, các mã như VIC, VHM, VJC cũng có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, là động lực chính thu hút lực cầu gia tăng mạnh trong VN30, nhiều mã tăng giá tốt, đột biến thanh khoản như VIC (+6,99%), VHM (+6,96%), VJC (+4,29%), ACB (+3,38%), BVH (+3,22%), VRE (+2,95)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh khi kết quả kinh doanh kém tích cực như MWG (-1,47%), PDR (-0,69%), HPG (-0,35%)...

Lực cầu tăng mạnh tại VN30 khiến cho nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ diễn biến phân hóa. Nhóm cổ phiếu bất động sản đa số chịu áp lực điều chỉnh trong đầu phiên sau đó phục hồi tốt trở lại trong phiên chiều như QCG (+6,92%), SJS (+3,67%), NVL (+2,72%), CEO (+2,60%), NLG (+2,04%)... ngoài các mã chịu áp lực bán mạnh với HDC (-4,27%), SCR (-2,21%), NTL (-1,50%)...

Các mã nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán đa phần cũng có diễn biến tích cực khi thanh khoản thị trường tiếp tục gia tăng như VIX (+3,29%), VND (+2,46%), CTS (+2,38%), BVS (+1,12%). Trong khi các nhóm ngành khác phân hóa mạnh hơn phụ thuộc nhiều và kết quả kinh doanh quý II/2023.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 tăng mạnh 24,2 điểm (2,00%), chênh lệch gia tăng lên dương 3,39 điểm so với VN30. Cho thấy tâm lý đang rất lạc quan đối với triển vọng của VN30. Khối lượng giao dịch giảm 28,34% so với phiên trước, khối lượng mở OI giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2309, VN30F2312, VN30F2403 thu hẹp chênh lệch còn từ -0,81 điểm đến -8,81 điểm so với VN30. Cho thấy thị trường trở nên rất lạc quan với VN30, gia tăng vị thế mua ở thị trường cơ sở.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT


Thị trường có phiên đầu tuần ấn tượng khi Vn-Index tiếp tục bùng nổ tăng 1,26% cho thấy xu hướng uptrend thể hiện rõ nét và động lực tăng được duy trì mạnh mẽ. Phiên bùng nổ hôm nay tiếp tục đưa Vn-Index tới vùng kháng cự 1.225 điểm – 1.230 điểm. Trong trung hạn vùng điểm số mục tiêu 1.300 điểm là vùng kháng cự thực sự đầu tiên sau khi thị trường hình thành uptrend.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên đầu tuần rất tích cực khi Vn-Index tiếp tục tăng điểm mạnh mẽ, chốt phiên tăng 15,23 điểm (+1,26%) và đóng cửa ở 1.222,90 điểm. Phiên bùng nổ hôm nay hình thành trên khu vực tích lũy nhỏ trong tuần trước đồng thời thể hiện rõ đà tăng mạnh mẽ của Uptrend đã được xác nhận. Trong ngắn hạn sau phiên tăng mạnh hôm nay, thị trường có thể xuất hiện các nhịp rung lắc, điều chỉnh và diễn biến này nếu có xảy ra là bình thường và cần thiết để tích lũy và củng cố sức mạnh trong xu hướng tăng trung hạn để hướng tới mốc kháng cự đầu tiên quanh 1.300 điểm.

Trong ngắn hạn thị trường tiệm cận kháng cự quanh mốc 1.230 điểm và có thể sẽ xuất hiện các phiên điều chỉnh, các nhà đầu tư ngắn hạn có thể kiên nhẫn chờ đợi thị trường rung lắc để giải ngân vào những mã thu hút dòng tiền bởi xu hướng trung hạn vẫn tích cực. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ, trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

31/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
POW	13.70	13.1-13.6	16.5-17	12	22.7	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	29.50	28-29	32-33	26	8.4	33.1%	204.3%	Theo dõi chờ giải ngân
VNM	78.00	75-78	89-91	70	20.1	0.3%	-18.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	27.0	18	28-30	25	50.0%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	34.4	25.1	35-37	33	37.1%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.2	12.75	18-18.5	14.5	18.8%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.5	54.8	65-67	60	12.2%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	33.0	28.05	34-35	31	17.6%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	58.7	51	62-64	57	15.1%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	31.7	27.75	31-32	30	14.2%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.5	29.1	32-33	28	1.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào mùa du lịch đẩy CPI tháng 7 tăng 0,45%**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê mới công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 7 tăng 1,13% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,06%. Bình quân 7 tháng năm 2023, CPI tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước theo Tổng cục Thống kê là do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt tăng khi nhu cầu tăng cao vào mùa du lịch.

Chính phủ thống nhất giảm năm đóng bảo hiểm xã hội xuống 15 năm

Chính phủ cơ bản thống nhất đối với các vấn đề như giảm thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm; giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội từ 80 tuổi xuống 75 tuổi... Đây là một trong những nội dung được nêu tại Nghị quyết số 114/NQ-CP ngày 28/7/2023 phiên họp Chính phủ tháng 7 năm 2023 về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Nhiều chính sách mới có hiệu lực từ tháng 8/2023

Nhiều chính sách mới có liên quan đến kinh tế và an sinh xã hội sẽ có hiệu lực từ tháng 8/2023.. Trong đó bao gồm: Tăng độ tuổi phục vụ cao nhất của hạ sĩ quan, sĩ quan công an; Nâng thời hạn thị thực điện tử lên 90 ngày; Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội; Công chức cấp xã phải tốt nghiệp đại học trở lên; Quy định về phong tỏa tài sản của đối tượng thanh tra; Tăng lệ phí sát hạch lái xe.

Sản xuất công nghiệp tháng 7 khởi sắc

Theo Tổng cục Thống kê, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7 tăng 3,9% so với tháng trước và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, cơ quan thống kê quốc gia cũng nhìn nhận, tình hình kinh tế thế giới những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất công nghiệp trong nước. Tính chung 7 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành thuế gỗ vượng, doanh nghiệp xuất khẩu nhận hàng ngàn tỷ tiền hoàn thuế

Nửa đầu năm, ngành thuế hoàn thuế giá trị gia tăng gần 60.000 tỷ đồng, trong đó, doanh nghiệp nhiều ngành nghề, mặt hàng xuất khẩu trọng điểm được hoàn thuế lớn. Cụ thể, Cơ quan thuế hoàn hơn 10.000 tỷ đồng thuế VAT trong ngành dệt may, sắt thép hoàn 4.460 tỷ đồng, gỗ và sản phẩm từ gỗ hoàn hơn 4.200 tỷ đồng...



TIN DOANH NGHIỆP

6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận Thế giới Di động (mã MWG) giảm 98,5%, xuống 38,7 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã MWG) ghi nhận lợi nhuận giảm 98,5% trong 6 tháng đầu năm 2023 và chuỗi Bách hóa Xanh vẫn lỗ 658,7 tỷ đồng khi bước vào cuộc chiến cạnh tranh giá. Trong quý II/2023, Thế giới Di động ghi nhận doanh thu đạt 29.464,8 tỷ đồng, giảm 14,2% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 17,41 tỷ đồng, giảm 98,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 21,4%, về còn 18,5% và biên lợi nhuận ròng giảm từ 3,29%, xuống chỉ còn 0,06%.

Vingroup đạt lãi trước thuế 6 tháng 7,936 tỷ đồng, gấp 2.3 lần cùng kỳ

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu thuần hợp nhất quy đổi, bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản ghi nhận vào thu nhập tài chính, đạt 102,530 tỷ đồng, tăng 112% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ tốc độ bàn giao mạnh mẽ các căn bất động sản thấp tầng tại dự án Vinhomes Ocean Park 2 trong kỳ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm đạt 7,936 tỷ đồng, gấp 2.3 lần cùng kỳ.

Kinh Bắc (KBC): Bứt tốc ở quý II/2023, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1.800 tỷ đồng

Báo cáo tài chính quý II/2023 của KBC cho thấy, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt trên 2.051 tỷ đồng, gấp hơn 5,2 lần so với quý II/2022 (393 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng/2023, doanh thu của KBC đạt trên 4.274 tỷ đồng, gấp gần 4 lần kết quả thực hiện 6 tháng/2022 (1.085 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, lợi nhuận trước và sau thuế của KBC đạt hơn 2.341 tỷ đồng và 1.806,16 tỷ đồng, tăng gấp hơn 8 lần và tăng gấp gần 7 lần so với 6 tháng đầu năm 2022.

Hưng Thịnh Incons (HTN): Chuyển biến tích cực trong kết quả kinh doanh quý II/2023

Trong quý II/2023, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của HTN đạt 1.570 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần hợp nhất của công ty ghi nhận hơn 1.998 tỷ đồng, đạt 47,6% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế của HTN trong quý II/2023 đạt hơn 48,9 tỷ đồng, ghi nhận hoạt động của doanh nghiệp có lãi trở lại. Tính chung nửa đầu năm, lợi nhuận sau thuế đạt 31,4 tỷ đồng, hoàn thành 62,7% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

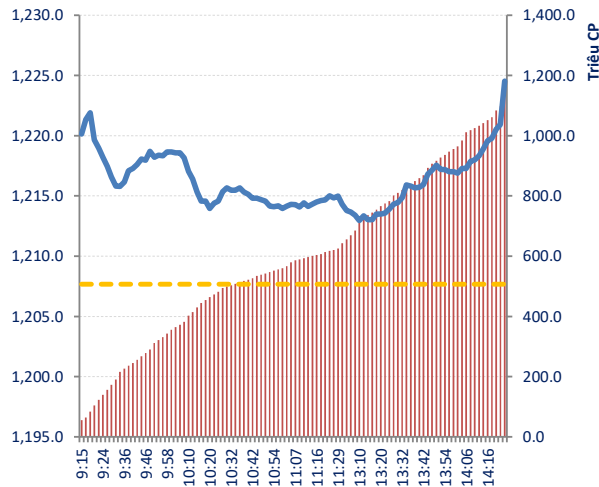
HAGL Agrico (HNG): Nửa đầu năm 2023 lỗ thêm 241 tỷ đồng, nâng lỗ lũy kế lên 7.244 tỷ đồng

Trong quý II/2023, HNG ghi nhận doanh thu thuần tăng nhẹ lên mức 151,5 tỷ đồng. Dù giá vốn giảm được 34%, nhưng vẫn ở mức cao với 188,2 tỷ đồng khiến doanh nghiệp lỗ gộp 36,75 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ gộp 135,92 tỷ đồng).

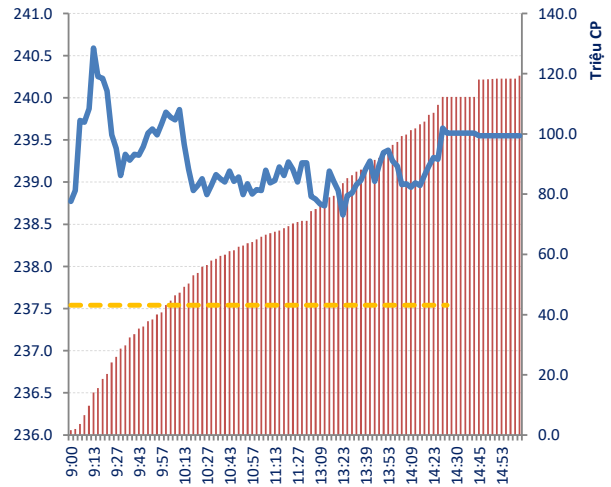


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

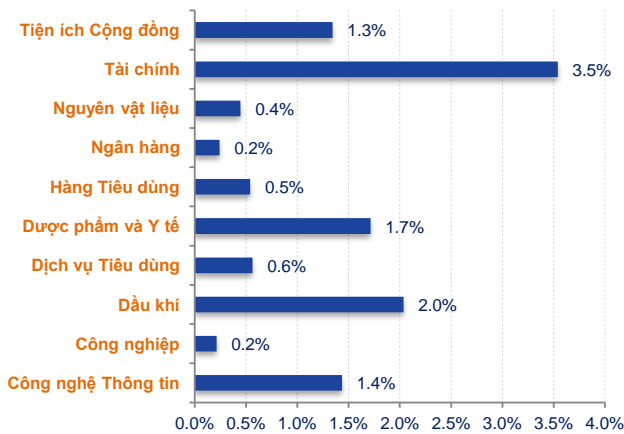
KLGD và VN-Index trong phiên



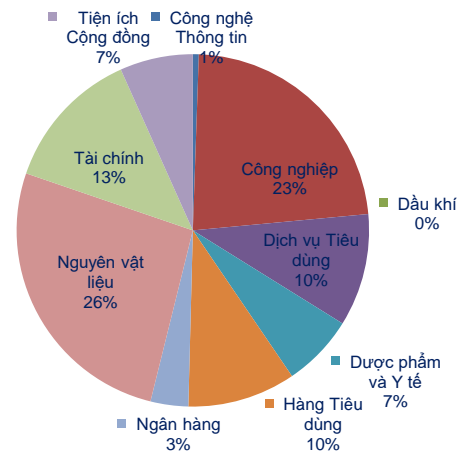
KLGD và HNX-Index trong phiên



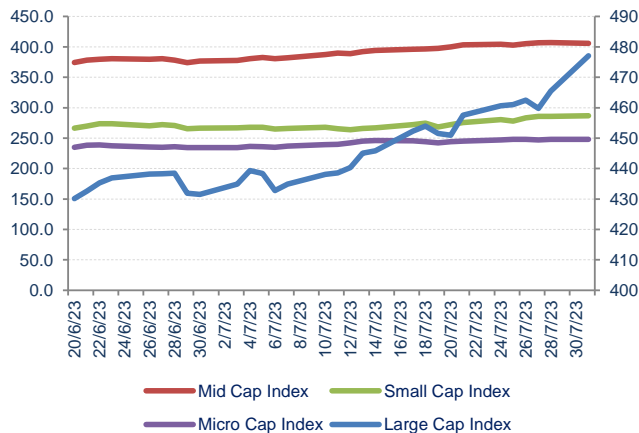
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



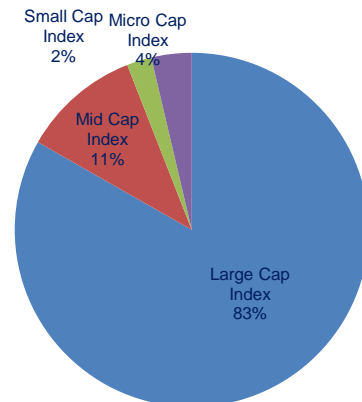
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	13,499,400	HPG	6,533,000	1	SHS	1,771,375	SD6	100,000
2	HSG	2,478,100	VIC	2,255,800	2	CEO	400,400	PVS	79,640
3	DCM	1,635,100	OCB	1,082,600	3	TNG	291,200	NDN	52,800
4	DPM	1,076,000	HCM	806,100	4	PVI	50,600	NVB	52,700
5	KDH	966,100	VRE	793,100	5	VNR	29,200	API	38,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	18.35	18.85	↑ 2.72%	56,594,800	SHS	15.50	15.60	↑ 0.65%	14,887,675
HPG	28.30	28.20	↓ -0.35%	46,549,544	CEO	19.20	19.70	↑ 2.60%	9,761,808
EIB	20.45	21.05	↑ 2.93%	43,415,500	TAR	21.00	22.30	↑ 6.19%	6,616,761
DIG	25.60	26.00	↑ 1.56%	38,494,400	HUT	20.40	21.10	↑ 3.43%	5,542,680
VND	20.30	20.80	↑ 2.46%	35,281,500	PVS	34.40	34.40	→ 0.00%	5,189,440

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HBC	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%	EVS	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
HVH	6.15	6.58	0.43	↑ 6.99%	TMB	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
VIC	51.50	55.10	3.60	↑ 6.99%	API	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
VHM	58.90	63.00	4.10	↑ 6.96%	PMS	23.20	25.50	2.30	↑ 9.91%
AGM	8.51	9.10	0.59	↑ 6.93%	MCC	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LSS	14.30	13.30	-1.00	↓ -6.99%	NHC	31.20	28.10	-3.10	↓ -9.94%
PSH	15.15	14.10	-1.05	↓ -6.93%	PIA	28.30	25.50	-2.80	↓ -9.89%
VPG	21.00	19.55	-1.45	↓ -6.90%	PHN	43.60	39.30	-4.30	↓ -9.86%
SMC	14.55	13.55	-1.00	↓ -6.87%	KHS	18.30	16.50	-1.80	↓ -9.84%
SPM	13.80	12.95	-0.85	↓ -6.16%	VTH	9.40	8.50	-0.90	↓ -9.57%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	56,594,800	1.8%	414	44.3	0.8
HPG	46,549,544	-2.0%	(328)	-	1.7
EIB	43,415,500	14.8%	2,030	10.1	1.4
DIG	38,494,400	2.2%	276	92.9	2.0
VND	35,281,500	4.1%	487	41.7	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,887,675	4.3%	507	30.6	1.3
CEO	9,761,808	7.5%	1,031	18.6	1.3
TAR	6,616,761	3.8%	585	35.9	1.4
HUT	5,542,680	1.3%	146	139.8	1.8
PVS	5,189,440	5.6%	1,498	23.0	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HBC	↑ 7.0%	-51.1%	(5,930)	-	1.2
HVH	↑ 7.0%	4.4%	522	11.8	0.5
VIC	↑ 7.0%	5.1%	1,800	28.6	1.5
VHM	↑ 7.0%	29.1%	10,332	5.7	1.5
AGM	↑ 6.9%	-35.9%	(8,996)	-	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EVS	↑ 10.0%	-4.8%	(881)	-	0.9
TMB	↑ 10.0%	42.3%	11,041	3.2	1.1
API	↑ 10.0%	8.2%	921	6.5	0.5
PMS	↑ 9.9%	17.1%	3,861	6.0	1.0
MCC	↑ 9.9%	0.8%	121	75.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	13,499,400	17.8%	2,355	5.8	1.0
HSG	2,478,100	-9.7%	(1,710)	-	1.1
DCM	1,635,100	21.3%	4,242	7.2	1.5
DPM	1,076,000	28.0%	9,537	4.0	1.2
KDH	966,100	8.6%	1,405	26.2	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,771,375	4.3%	507	30.6	1.3
CEO	400,400	7.5%	1,031	18.6	1.3
TNG	291,200	15.4%	2,353	8.8	1.4
PVI	50,600	0.5%	187	287.5	1.5
VNR	29,200	-0.1%	(16)	-	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	519,786	23.2%	5,532	16.8	3.0
VHM	256,472	29.1%	10,332	5.7	1.5
BID	236,233	19.7%	3,972	11.8	2.2
VIC	196,418	5.1%	1,800	28.6	1.5
GAS	190,438	24.1%	7,689	12.9	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,442	5.6%	1,498	23.0	1.3
IDC	14,949	34.3%	6,675	6.8	2.4
THD	13,930	4.0%	672	59.2	2.3
SHS	12,604	4.3%	507	30.6	1.3
PVI	12,602	0.5%	187	287.5	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.17	-2.2%	(282)	-	0.6
IBC	3.00	-5.6%	(1,044)	-	0.1
LGL	2.98	1.4%	182	28.9	0.4
TTB	2.92	-0.2%	(17)	-	0.2
VIX	2.89	7.0%	839	18.1	1.2

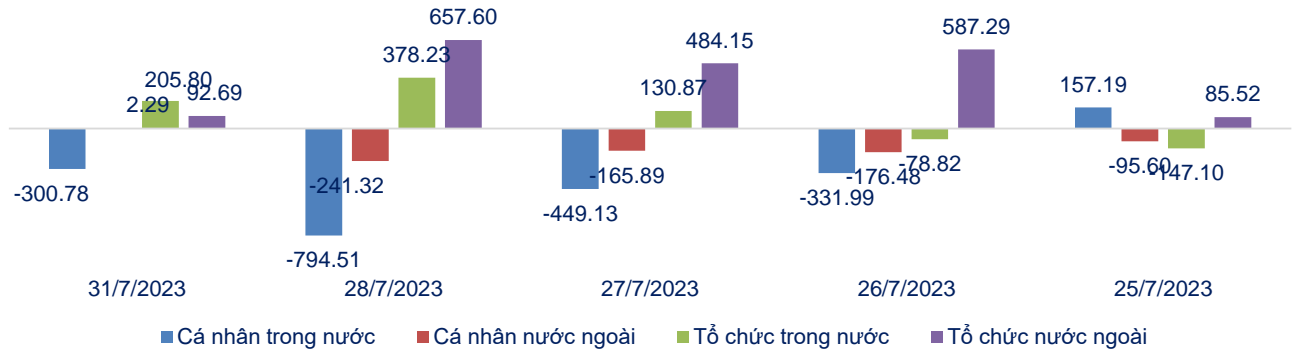
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	3.33	8.2%	921	6.5	0.5
APS	3.32	-9.5%	(1,172)	-	0.5
IDJ	3.19	8.0%	901	6.4	0.5
SDA	3.05	-0.3%	(23)	-	1.1
VC9	2.73	109.3%	842	9.1	2.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	140.05	5.1%	1,800	28.6	1.5
HPG	69.37	-2.0%	(328)	-	1.7
CTD	43.68	0.2%	183	401.1	0.7
STB	38.32	17.2%	3,601	8.0	1.3
VCB	37.90	23.2%	5,532	16.8	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-186.63	17.8%	2,355	5.8	1.0
PNJ	-87.80	20.5%	5,512	15.0	2.9
HSG	-84.45	-9.7%	(1,710)	-	1.1
DPM	-67.37	28.0%	9,537	4.0	1.2
VHM	-58.20	29.1%	10,332	5.7	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
AST	7.31	15.7%	1,561	38.8	5.6
CMG	6.01	10.4%	2,088	23.1	2.3
SSI	2.65	6.9%	1,035	28.8	1.9
VIX	2.54	7.0%	839	18.1	1.2
DHA	2.19	19.2%	5,554	8.6	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	-4.79	14.7%	2,082	7.8	1.1
VRE	-4.03	10.6%	1,588	18.1	1.8
NVL	-3.65	1.8%	414	44.3	0.8
MSN	-1.93	5.9%	1,536	56.0	3.3
HAX	-1.57	10.6%	1,360	11.4	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	111.41	-2.0%	(328)	-	1.7
NVL	55.54	1.8%	414	44.3	0.8
VHM	42.31	29.1%	10,332	5.7	1.5
MWG	37.93	11.4%	1,829	29.8	3.3
HSG	37.33	-9.7%	(1,710)	-	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-46.27	17.2%	3,601	8.0	1.3
VNM	-37.23	23.5%	3,881	19.9	4.7
SSI	-36.34	6.9%	1,035	28.8	1.9
TPB	-28.25	18.6%	2,686	7.0	1.3
SGN	-19.02	21.5%	5,655	13.3	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	184.16	17.8%	2,355	5.8	1.0
PNJ	58.96	20.5%	5,512	15.0	2.9
DCM	51.81	21.3%	4,242	7.2	1.5
HSG	46.99	-9.7%	(1,710)	-	1.1
VNM	45.78	23.5%	3,881	19.9	4.7

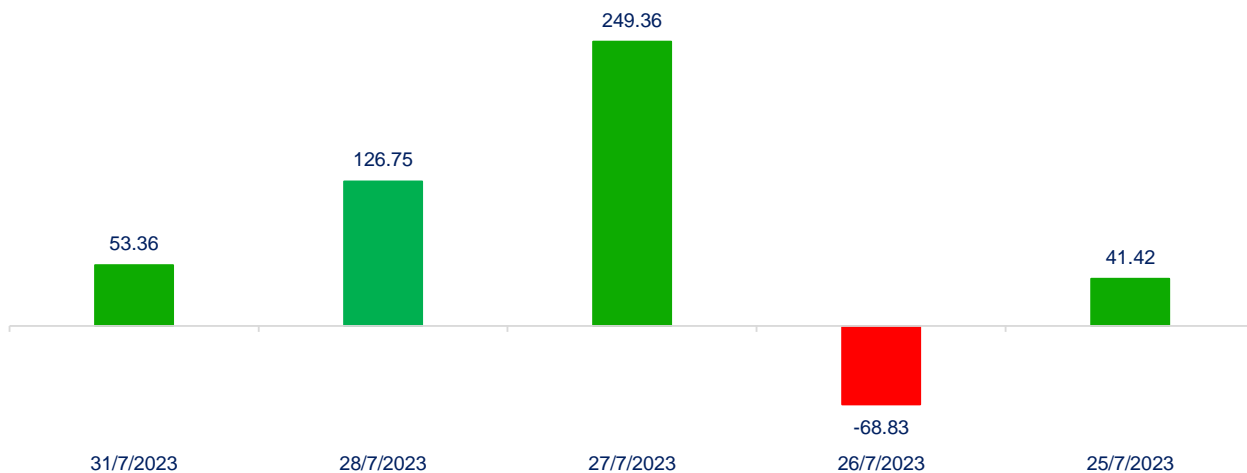
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-181.81	-2.0%	(328)	-	1.7
VIC	-123.38	5.1%	1,800	28.6	1.5
VCB	-49.10	23.2%	5,532	16.8	3.0
CTD	-42.55	0.2%	183	401.1	0.7
HCM	-24.26	7.2%	1,250	24.7	1.8

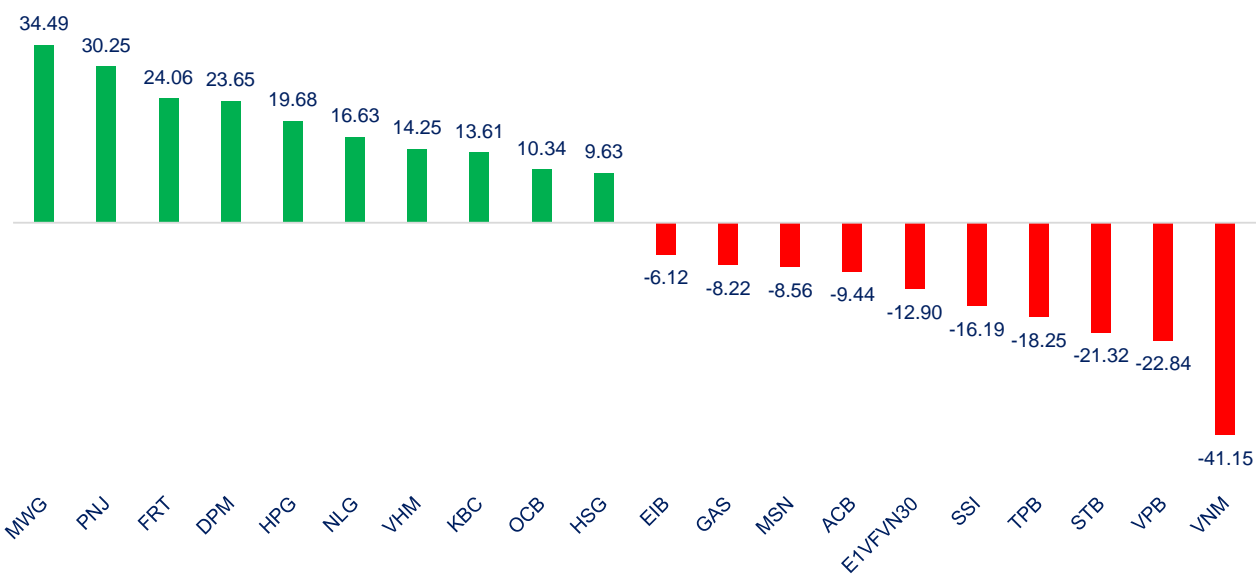


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn